

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HÀ NỘI
CHI NHÁNH THANH TRÌ

Số: 3424 /CNVPĐKĐĐT

V/v chuyển thông tin công khai hồ sơ đề nghị cấp
lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại
xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội huyện Thanh Trì tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ Hành chính công Hà Nội - Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Thanh Trì hồ sơ mã số H26.103.25.24-260504-0119 của ông Phạm Văn Chiến đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp do bị mất tại thửa đất số 681, tờ bản đồ số 1, diện tích 480m², mục đích sử dụng: Sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng: 20 năm kể từ ngày 23/12/1999, địa chỉ trước khi sáp nhập: xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội) đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 934717 ngày 16/05/2007 cho ông Phạm Văn Tuyền.(Hồ sơ số H26.103.25.24-260504-0119).

Sau khi kiểm tra hồ sơ: Hiện thửa đất trên chưa thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác hoặc cá nhân theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật đất đai 2024; các Nghị định của Chính phủ số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024, số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025; Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Trì đề nghị Ủy ban nhân dân xã Đại Thanh cung cấp thông tin và công khai hồ sơ với các nội dung như sau:

- Loại đất của thửa đất trên theo quy định tại Điều 9 Luật đất đai 2024.
- Thửa đất trên có thuộc trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không?
- Thực hiện việc niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất trong thời gian 15 ngày, đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp và gửi kết quả đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện Thanh Trì

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Trì đề nghị UBND xã Đại Thanh tiến hành công khai và cung cấp thông tin, chuyển kết quả để Chi nhánh giải quyết hồ sơ cho công dân theo quy định./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
 - Phòng Kinh tế xã Đại Thanh;
 - ông Phạm Văn Chiến;
 - Lưu VP.
- Số ĐT liên lạc: 0913039777

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Tiến Nam

Mẫu số 18. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi : **Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai–Thanh Trì**

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

a) Tên⁽²⁾: Phạm Văn Chiến (Đại diện cho ông Phạm Văn Tuyên đã chết)

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân⁽²⁾: 001086018147

c) Địa chỉ⁽²⁾: Đại Thanh, Hà Nội

d) Điện thoại liên hệ (nếu có):0969362966 Hộp thư điện tử (nếu có):

2. Nội dung biến động ⁽³⁾:

Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất.....

3. Giấy tờ liên quan đến nội dung biến động nộp kèm theo đơn này gồm có ⁽⁴⁾:

(1) Giấy chứng nhận đã cấp;

(2)

(3)

Cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày 04 tháng 05 năm 2026

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)



Phạm Văn Chiến

Số: 326 /CNVPĐKĐĐT
V/v cung cấp thông tin

Thanh Trì, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Ông Phạm Văn Chiến
Địa chỉ: xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Trì nhận bàn giao từ Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Chi nhánh số 11 hồ sơ số **H26.103.25.24-260421-0030** ngày **21/04/2026** của của ông Phạm Văn Chiến về việc xin cung cấp thông tin, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan thửa đất số 681, tờ bản đồ 15, diện tích 480m² tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, (nay là xã Đại Thanh) thành phố Hà Nội.

Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu trữ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Trì cung cấp có ý kiến như sau:

Thửa đất số 681, tờ bản đồ số 15, diện tích 480m², địa chỉ thửa đất tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, (nay là xã Đại Thanh) thành phố Hà Nội, được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 934717 cho hộ gia đình ông Phạm Văn Tuyền theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16/05/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 78 hộ gia đình, cá nhân tại xã Tả Thanh Oai. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Trì cung cấp hồ sơ gồm:

- Quyết định 1178/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ngày 16/05/2007 (bản photo đóng dấu treo).
- Quyết định 1179/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ngày 16/05/2007 (bản photo đóng dấu treo).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 934717 (bản photo đóng dấu treo).
- Đơn đăng ký quyền sử dụng đất (bản photo đóng dấu treo).

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Trì không có thông tin, hồ sơ nào khác liên quan đến thửa đất nêu trên.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội huyện Thanh Trì có ý kiến như trên để ông Phạm Văn Chiến được biết./.

Nơi nhận: ✓

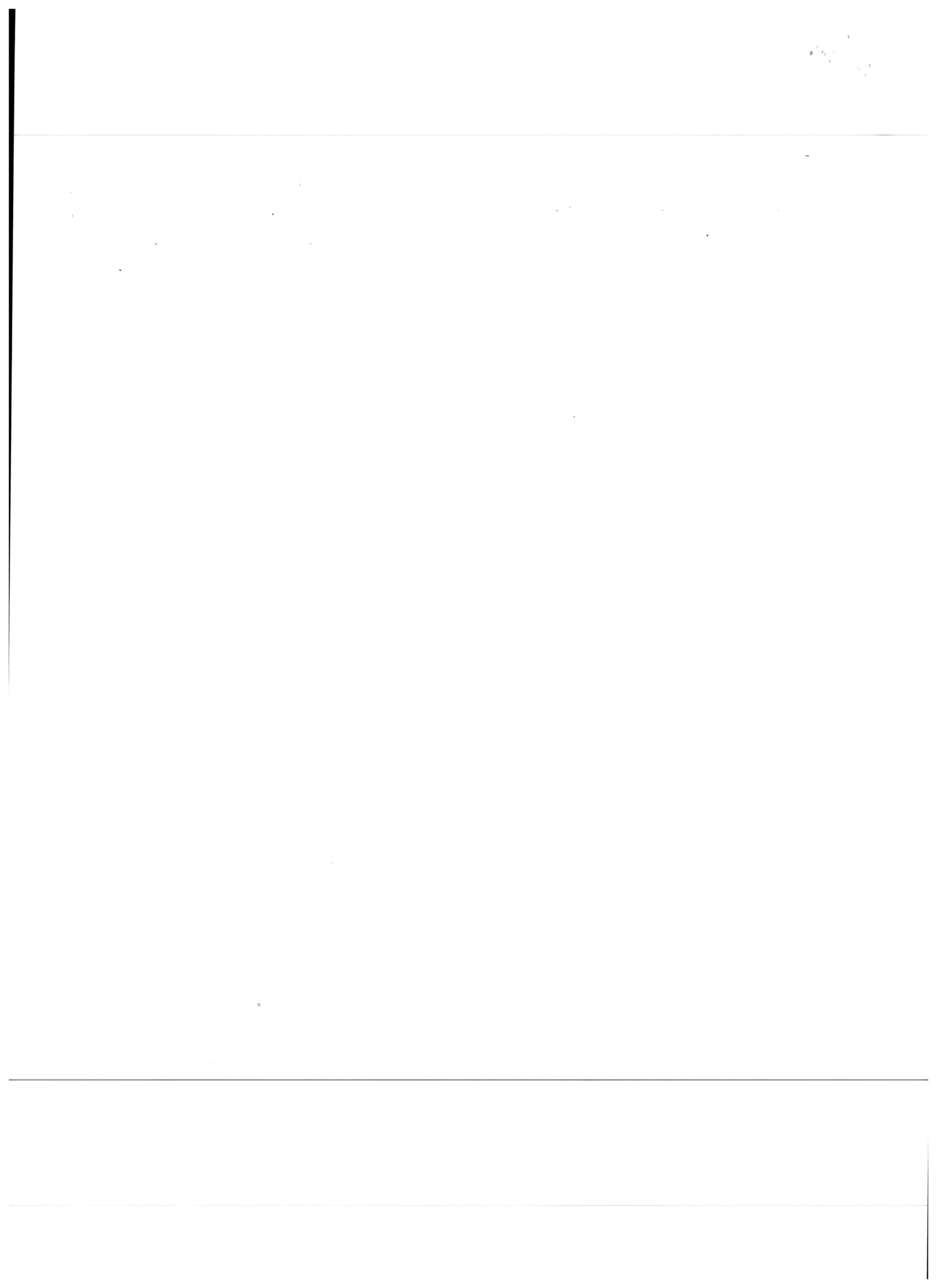
- Như trên;

- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Vũ Thị Ninh



UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ

Số: 109/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Trì, ngày 16 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp
cho 78 hộ gia đình, cá nhân tại xã Tả Thanh Oai

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về Thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2004/TT-BTN&MT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn, chính lý, quản lý hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của UBND xã Tả Thanh Oai tại Tờ trình số: 14/TTr - UBND ngày 21 tháng 4 năm 2007 và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 41/TTr - TN&MT ngày 7 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Trì như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp là: 78 hộ (Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Tổng diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 158.741 m²

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tả Thanh Oai và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *ƯD*

Nơi nhận:

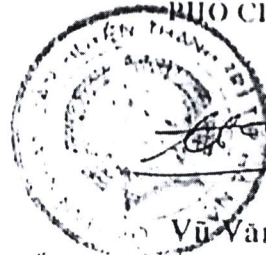
- Như Điều 2;

- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *ƯD*

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nhân



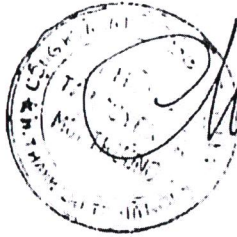
A faint, horizontal line of text or a mark, possibly a scanning artifact or a very light pencil stroke, located in the middle of the page.

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
37	Phạm Văn Tám	1881	5	644,47C/21; 773a,647/15; 483(8)/30	
38	Đỗ Thị Lịch	1920	8	310(1),311/25; 417/15; 123,121,122,317,116/21	
39	Đình Văn Hùng	1440	5	766,260/15; 775,662(1)/21; 447/25	
40	Nguyễn Thị Sang	2880	9	393,226,657(2)/21; 536,242,526/15; 254/22; 419(3) /31; 537(1)/25	
41	Trịnh Đình Tám	3359	12	574C/25; 459/26; 781,782,653,55c,64,190,3/21; 572,234(1),786/15	
42	Nguyễn Văn Hội	3364	12	652,783,54c,65,18/21; 785A,667,312,573,423/15; 529(1)/30; 339/15	
43	Đào Duy Ngọc	470	2	206/21; 638(1)/15	
44	Nguyễn Hữu Tài	3312	11	428,162A,443,162,469/25; 156,185,161,160/21; 509,559(5)/15	
45	Đỗ Duy Nam	1920	7	145C/25; 64,68/14; 343(1),442,462/15; 187(1)/26	
46	Nguyễn Văn Minh	2400	10	289,265,82(1)/21; 728,344,341/15; 148,422(2)/25; 174,175/30	
47	Nguyễn Văn Ban	800	1	48(1)/25	
48	Phạm Văn Thực	1914	8	299/25; 624/15; 71,26,147a/21; 345,334,351/30	
49	Nguyễn Văn Chuyển	2350	6	400,52/21; 767,736(1),485/15; 142(1)/25	
50	Phạm Văn Hải	1920	8	462/25; 409,520,142(2)/21; 620,682,684,683/15	
51	Phạm Văn Mừng	1938	6	499,125,293/21; 49,573(2),298/25	
52	Nguyễn Văn Hoan	1920	8	69/21; 644,665,690,692/15; 566,568,570(1)/25	
53	Nguyễn Nhật Huy	2400	6	666,766(1),404,504/21; 277,590/15	
54	Ngô Vi Cường	2415	8	57,84/21; 534,271,331,633,645/15; 40(2)/25	
55	Đào Duy Tịnh	1236	3	569,632/15; 104/21	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
56	Phan Văn Minh	1856	4	567/25; 228,184,95(1)/21	
57	Nguyễn Thị Kim	3024	13	407,507B,376,220/21; 280C,281C,125,474(2)/25; 231D,292d/26; 152B,666(1),13,15	
58	Nguyễn Văn Thành	1935	9	465,464/25; 229,640(2),312(2)/21; 532,665,608/15; 419(4)/31	
59	Đào Duy Dũng	2844	6	515,193(1),134(2),183/21; 394/15; 81(2)/22	
60	Lê Thị Hồng	2171	5	452,163/25; 189/21; 689(2),332(2)/15	
61	Nguyễn Văn Thông	2409	7	110(2)/25; 246,277,111,99/21; 619/15; 296/30	
62	Đào Văn Hoan	1874	6	460,565/25; 794,74/21; 718A/15; 483A5/30	
63	Nguyễn Văn Thìn	1920	9	240,238,510,29A,662(2),46(2)/21; 783/15; 559C/25; 458D/26	
64	Đào Tuấn Hưng	954	5	197/21; 250/22; 550/15; 348,242(2)/30	
65	Phạm Văn Hùng	1440	4	879,113,81(1)/21; 418(3)/31	
66	Trịnh Đình Cường	1620	6	142(1),76A,105,70/21; 686/15; 45/7	
67	Đỗ Trọng Hờ	3930	12	550,553,561/25; 638,38,29,14C/21; 649,688,720A,661/15; 483A(13)/30	
68	Nguyễn Văn Tiến	2400	6	883,787(2),76/21; 603,484/15; 419(5)/31	
69	Nguyễn Kim Thư	3360	11	453,774,753,525,725/15; 655,260,92C/21; 163(1),83C/22; 483A6/30	
70	Nguyễn Thế Châu	2887	9	514,194,235A,235B,199C,193(2)/21; 572/25; 252C/22; 418(2)/31	
71	Nguyễn Văn Thắng	2400	8	262,56,63,273A/21; 787A,502,739,482/15	
72	Nguyễn Văn Minh	1793	7	558(2),443(1),473/25; 505,318/15; 261/21; 419(6)/31	
73	Đỗ Duy Long	2068	8	481,288(2),482(1),461,286/25; 586,591/15; 483(14)/30	
74	Đào Xuân Ngọc	1799	3	271,319(1)/21; 250/15	

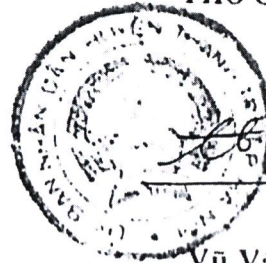
STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
75	Đỗ Duy Hứa	3096	12	434,114,263/25; 364D/26; 248/21; 673,804(1),266,760(2)/15; 72,87/14	
76	Đỗ Duy Thanh	1793	5	114(2)/2 128,129/21; 6801,207/15	
77	Phạm Văn Thức	1844	7	306C/25; 304D/26; 257,206,323/21; 334/22; 461/15	
78	Nguyễn Hữu Hạnh	2111	9	642,180,15C,28,641,406/21; 721,456,332(1)/15	
Tổng		158741			

Ngày 7 tháng 5 năm 2007
 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 TRƯỞNG PHÒNG *u y*



Trần Văn Chung

Ngày 16 tháng 5 năm 2007
 TM. UBND HUYỆN THANH TRÌ
 KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nhân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN NHÂN KHẨU

Kính gửi: UBND xã Đại Thanh, TP. Hà Nội
Trưởng thôn Thượng Phúc

Tôi là **Phạm Văn Chiến** Sinh ngày: 24/03/1986
CCCD số: 001086018147 do Bộ Công an cấp ngày 07/03/2025
Hộ khẩu thường trú: Đội 2, thôn Tả Thanh Oai, xã Đại Thanh, TP. Hà Nội
Bố đẻ tôi là ông **Phạm Văn Tuyến**, sinh năm: 1960, hộ khẩu thường trú tại:
Đội 7 thôn Thượng Phúc, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội; đã chết vào hồi 19h10'
ngày ngày: 14/02/2017 tại nhà riêng Đội 7, thôn Thượng Phúc, xã Đại Thanh, thành
phố Hà Nội; nguyên nhân chết: Lao phổi theo giấy chứng tử số: 16/TL-KT do UBND
xã Tả Thanh Oai cấp ngày 15/02/2017.

Tôi xin trình bày sự việc như sau:

Tôi là Phạm Văn Chiến, đại diện hộ gia đình ông Phạm Văn Tuyến là bố đẻ tôi,
là đối tượng được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, thời
điểm giao đất cho gia đình tôi gồm 01 nhân khẩu là ông Phạm Văn Tuyến. Tổng
diện tích được giao là 480m², tờ bản đồ số: 15, thửa đất số: 681 tại xứ đồng Đông
Trà trên. Thửa đất nêu trên đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phạm Văn Tuyến. Do gia đình bảo quản
không cẩn thận, nên đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Gia
đình tôi cam kết không cầm cố, không thế chấp, không chuyển nhượng cho bất kỳ
ai, không sử dụng vào mục đích khác.

Vậy tôi làm đơn này kính đề nghị UBND xã Đại Thanh xác nhận cho tôi nội
dung nêu trên là thực.

Tôi xin cam đoan nội dung nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin
chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Đại Thanh, ngày.....tháng.....năm 2026

Xác nhận của lãnh đạo thôn

Người làm đơn

Thượng Phúc, ngày 16/4/2026
Trưởng thôn

Chiến

Phạm Văn Chiến

Xác nhận của UBND xã

Nguyễn Văn Nười



1

LỜI CHỨNG THỰC CHỮ KÝ

Ngày *16*...tháng 04 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày *mười sáu*....., tháng tư, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại: Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Đại Thanh, thành phố Hà Nội

Tôi: Nguyễn Ngọc Nhật là Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND xã Đại Thanh.

Chứng thực:

Ông/Bà: *Phạm Văn Chiến*..... Thẻ CCCD/CC *001086018147*

Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký điếm chỉ vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Nguyễn Thu Huyền là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực: *2528*..quyển số 01/2026- SCT/CK, ĐC

Người tiếp nhận hồ sơ

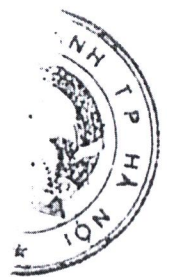
Huyen

Nguyễn Thu Huyền

Người thực hiện chứng thực
TUQ.CHỦ TỊCH



Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND
Nguyễn Ngọc Nhật



10/10/10

BẢN SAO

UBND TP HÀ NỘI
UBND H. THANH TRÌ
UBND XÃ TẢ THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tả Thanh Oai, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Số: 16/TLKT

TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Họ, chữ đệm, tên: **PHẠM VĂN TUYẾN**

Ngày, tháng, năm sinh: 1960 Ghi bằng chữ: Năm một nghìn chín trăm sáu mươi.

Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Giấy tờ tùy thân:

Số định danh cá nhân:.....

Đã chết vào lúc 19 giờ 10 phút, ngày 14/02/2017, ghi bằng chữ: Ngày mười bốn, tháng hai, năm hai nghìn không trăm mười bảy.

Nơi chết: Tại nhà riêng đội 7, Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội

Nguyên nhân chết: Lao phổi

Giấy báo tử/ Giấy tờ thay thế Giấy báo tử:

do cấp ngày

Họ, chữ đệm, tên người đi khai tử : Phạm Văn Bằng là cháu đi khai báo

Giấy tờ tùy thân: UBND XÃ TẢ THANH OAI.....

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 27-03-2017 **NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC**

(Ký ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

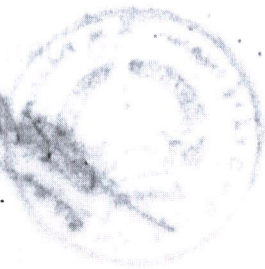
Số CT: 2657 Q.Số: 8CT/BS



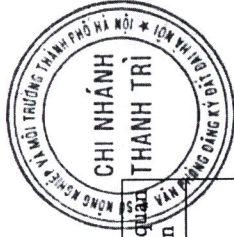
PHÓ CHỦ TỊCH
Lưu Quý Hợi

PHÓ CHỦ TỊCH
Lưu Đình Hùng

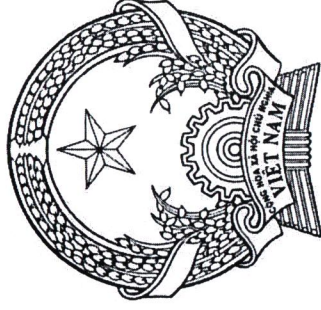
1900



VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

Số AI 934717

3194

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Họ gia đình Ông (Bà): **PHẠM VĂN TUYẾN**
Địa chỉ thường trú: xã Tả Thanh Oai - huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội

II- Thửa đất được quyền sử dụng

- 1. Thửa đất số: Có 1 thửa 2. Tờ bản đồ số: 15
- 3. Địa chỉ: xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
- 4. Diện tích: 480 m²
Bằng chữ:
- 5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 480 m²
+ Sử dụng chung: 0 m²

6. Mục đích sử dụng: Sản xuất nông nghiệp

7. Thời hạn sử dụng: 20 năm kể từ ngày 23/12/1999

8. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Thông tin chi tiết về từng thửa đất có phụ lục kèm theo

V- Sơ đồ thửa đất

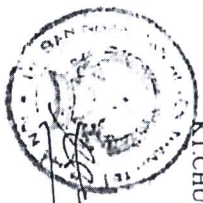
DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT NÔNG NGHIỆP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Số thửa	Tờ bản đồ số	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Ghi chú
1	15	681	480	Sản xuất nông nghiệp	20 năm	Kể từ ngày 23/12/1999
Tổng diện tích						
						480

Thanh Trì, ngày 16 tháng 5 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Minh

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: **MA.2.2.2007/QĐ-UBND**
1860

Chúng tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh chính sách pháp luật đất đai.

Tà Thanh oai, ngày 8 tháng 3 năm 2007

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT KÝ TÊN

(Các tổ chức tự do thủ trưởng ký tên đóng dấu)

Tuyen

Phạm Văn Tuyen

Ý KIẾN CỦA UBND XÃ

Căn cứ vào biên bản xét duyệt của hội đồng xét cấp GCNQSD đất xã Tà Thanh oai.

Đề nghị được đăng ký vào sổ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa theo thời hạn sau:

Sử dụng ổn định lâu dài gồm các thửa

Sử dụng đến ngày.....tháng.....năm.....gồm các thửa

- Vi phạm và quản lý sử dụng đất tại các thửa

UBND xã đề nghị xử lý như sau:

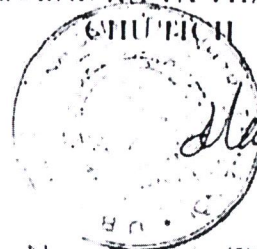
Nhất từ đơn xin đăng ký QSD đất.

Đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất.

Ngày 15 tháng 4 năm 2007

TM/UBND XÃ TÀ THANH OAI

CHỦ TỊCH



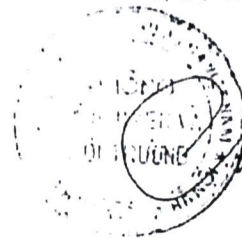
Nguyễn Đức Thắng

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐỊA CHÍNH CẤP THẨM QUYỀN

Đã điều tra, cấp GCNQSD đất theo đúng quy định.

Ngày 7 tháng 5 năm 2007

(Ký tên đóng dấu) *ctct*



Trần Văn Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

000

Số đơn:

ĐƠN ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: UBND xã Tả Thanh Oai.

Tên chủ sử dụng đất *Phạm Văn Nguyễn* đơn: *7* thôn *Thượng phố*

Năm sinh (của chủ hộ gia đình cá nhân) *1959*

Số CMND, số sổ hộ khẩu (hộ gia đình cá nhân)

Nơi thường trú: Đơn *7* xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội.

Họ tên (vợ, chồng) của chủ hộ gia đình

Số người đồng sử dụng đất trong hộ gia đình *0/* người.

Làm đơn xin đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Tờ BD số	Thửa số	Địa danh	Diện tích (m ²)	Loại đất	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
<i>15</i>	<i>68.1</i>	<i>Đông tư tiên</i>	<i>480</i>			
		<i>Cộng</i>	<i>480</i>			

Các giấy tờ kèm theo đơn xin đăng ký:

.....
.....
.....
.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1178 /QĐ-UBND

Thanh Trì, ngày 16 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao đất nông nghiệp cho 78 hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định
lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại xã Tả Thanh Oai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về Thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2004/TT-BTN&MT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính;

Xét đề nghị của UBND xã Tả Thanh Oai tại Tờ trình số: 14/TTr - UBND ngày 21 tháng 4 năm 2007 và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 41/TTr - TN&MT ngày 7 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho 78 hộ gia đình, cá nhân của xã Tả Thanh Oai (Có danh sách kèm theo).

Tổng diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài: 158.741 m²

Thời gian sử dụng: 20 năm (Kể từ ngày 23 tháng 12 năm 1999)

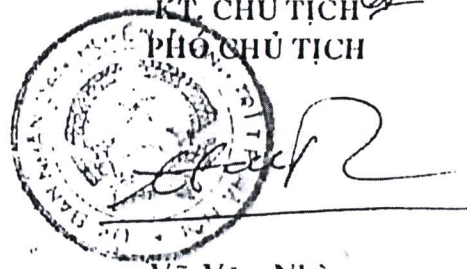
Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tả Thanh Oai và các hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nhân



**DANH SÁCH 78 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO ĐẤT
SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Tờ trình số: ~~41~~/TTTr-TN&MT ngày ~~7~~ tháng ~~5~~ năm 2007 của phòng Tài nguyên và Môi trường;
Quyết định số: ~~418~~/QĐ-UBND ngày ~~16~~ tháng ~~5~~ năm 2007 của UBND huyện Thanh Trì

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bình	480	1	617(1)/15	
2	Phạm Thị Yến	960	2	369(2)/31; 483(12)/30	
3	Đỗ Duy Đức	1802	6	512,244,87/21; 467,437,760(2)/15	
4	Đào Duy Lý	1920	10	439(2),315,317,549,439(1),266,448(2)/25 682(3)/25; 305,499/15	
5	Nguyễn Văn Hiến	2126	11	525,799,772,771,256,303,302, 37C/21; 430,78A(1)/15; 483(15)/25	
6	Nguyễn Hữu Tín	1920	5	571,110(2),163(2)/25; 748,559(4)/15	
7	Đỗ Duy Hình	2407	9	508,672(2)/15; 242,130(1)/21; 116C,114(1),115/25; 137D,136D/26	
8	Nguyễn Văn Mịch	1920	6	529,531,329/15; 778/21; 476/25; 369(1)/31	
9	Đỗ Duy Thao	2400	9	252,137/25; 636,493,615/15; 113,172,648/21; 483(11)/30	
10	Trình Đình Quyền	1920	5	83/21; 666(1),281,701(2)/15; 474(1)/25	
11	Đào Thị Ngà	480	2	656/21; 682(1)/25	
12	Phạm Văn Khấn	1440	3	62,81(2)/21; 483(17)/30	
13	Nguyễn Thị Ngọc	480	1	134(1)/21	
14	Ngô Vi Duyên	2879	9	635,802,788,789(2)/21; 458D/26; 293(1),294,295,707(1)/15	
15	Đào Xuân Hồng	1920	5	17/21; 564/25; 345(1),252(1),559(2)/15	
16	Phạm Thị Hoà	960	4	443(3)/25; 609,346/15; 380(1)/31	
17	Nguyễn Xuân Tiên	4784	11	449/25; 639/21; 700,699,693,698,278,581/15; 416,415,446/30	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
18	Đào Thị Tân	960	2	663/21; 418(1)/31	
19	Nguyễn Thị Duyên	960	4	526(2),276/21; 359,322/15	
20	Phạm Văn Tuyến	480	1	681/15	
21	Trịnh Đình Cửu	1278	3	341/22; 77/14; 707(2)/15	
22	Ngô Vi Hoa	1920	5	661,165,67/21; 349/15; 521/30	
23	Đào Văn Hiệp	1928	8	770,202,118(2),119/21; 585,500,261/15; 483(20)/30	
24	Đỗ Duy Tiến	2400	2	267/21; 671/15	
25	Phạm Thị Thư	1458	5	340/22; 324,40,30/21; 494/15	
26	Nguyễn Văn Minh	2536	10	515,516/30; 389,388A,390A,391,387,392, 393,516A/31	
27	Nguyễn Văn Hữu	2406	6	302,42/25; 508,102,103(2)/21; 648/15	
28	Đinh Xuân Thiệp	1881	8	450,467,143,682(4)/25; 776,12C/21; 495(1)/15; 74/14	
29	Nguyễn Văn Quỳnh	2929	8	435/25; 518,162,155,318,5c/21; 714a,314/15	
30	Nguyễn Thị Thanh	2391	8	546,547,50/25; 798,127/21; 249,558/15; 601(6)/26	
31	Nguyễn Văn Giáp	1933	6	136,82(2)/21; 438(1)/15; 164(1)/25; 525,529(2)/30	
32	Đỗ Duy Sỹ	1716	5	279,4/21; 440,470(2)/25; 483A/30	
33	Ngô Vi Chương	2291	8	69,62/14; 100,6,34,777,780/21; 520(1)/30; 304D/26	
34	Đỗ Thị Chúc	1503	4	50,142(2)/21; 708A/15; 73/14	
35	Đào Duy Trường	2880	9	769,770,593/15; 151,155/25; 205,373/21; 483(21),346(2)/30	
36	Phạm Bình Cường	2726	7	470(1)/25; 785,225,91C/21; 580,243/15; 483A9/30	

**DANH SÁCH 78 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ TẢ THANH OAI**

(Kèm theo Tờ trình số: 41/TTr-TN&MT ngày 7 tháng 5 năm 2007 của phòng Tài nguyên và Môi trường;
Quyết định số: 1179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2007 của UBND huyện Thanh Trì

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	L ệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bình	480	1	617(1)/15	
2	Phạm Thị Yên	960	2	369(2)/31; 483(12)/30	
3	Đỗ Duy Đức	1802	6	512,244,87/21; 467,437,760(2)/15	
4	Đào Duy Lý	1920	10	439(2),315,317,549,439(1),266,448(2)/25 682(3)/25; 305,499/15	
5	Nguyễn Văn Hiến	2126	11	525,799,772,771,256,303,302, 37C/21; 430,78A(1)/15; 483(15)/25	
6	Nguyễn Hữu Tín	1920	5	571,110(2),163(2)/25; 748,559(4)/15	
7	Đỗ Duy Hình	2407	9	508,672(2)/15; 242,130(1)/21; 116C,114(1),115/25; 137D,136D/26	
8	Nguyễn Văn Mịch	1920	6	529,531,329/15; 778/21; 476/25; 369(1)/31	
9	Đỗ Duy Thao	2400	9	252,137/25; 636,493,615/15; 113,172,648/21; 483(11)/30	
10	Trình Đình Quyền	1920	5	83/21; 666(1),281,701(2)/15; 474(1)/25	
11	Đào Thị Ngà	480	2	656/21; 682(1)/25	
12	Phạm Văn Khán	1440	3	62,81(2)/21; 483(17)/30	
13	Nguyễn Thị Ngọc	480	1	134(1)/21	
14	Ngô Vi Duyên	2879	9	635,802,788,733(2)/21; 458D/26; 293(1),294, 7707(1)/15	
15	Đào Xuân Hồng	1920	5	17/21; 564/25; 345(1),252(1),559(2)/15	
16	Phạm Thị Hoà	960	4	443(3)/25; 609,346/15; 380(1)/31	
17	Nguyễn Xuân Tiên	4784	11	449/25; 639/21; 700,699,693,698,278,581/15; 416,415,446/30	

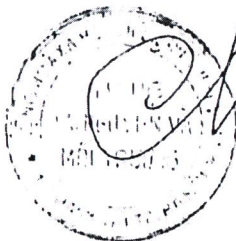
STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
18	Đào Thị Tân	960	2	663/21; 418(1)/31	
19	Nguyễn Thị Duyên	960	4	526(2),276/21; 359,322/15	
20	Phạm Văn Tuyển	480	1	681/15	
21	Trịnh Đình Cửu	1278	3	341/22; 77/14; 707(2)/15	
22	Ngô Vi Hoa	1920	5	661,165,67/21; 349/15; 521/30	
23	Đào Văn Hiệp	1928	8	770,202,118(2),119/21; 585,500,261/15; 483(20)/30	
24	Đỗ Duy Tiến	2400	2	267/21; 671/15	
25	Phạm Thị Thư	1458	5	340/22; 324,40,30/21; 494/15	
26	Nguyễn Văn Minh	2536	10	515,516/30; 389,388A,390A,391,387,392, 393,516A/31	
27	Nguyễn Văn Hữu	2406	6	302,42/25; 508,102,103(2)/21; 648/15	
28	Đình Xuân Thiệp	1881	8	450,467,143,682(4)/25; 776,12C/21; 495(1)/15; 74/14	
29	Nguyễn Văn Quỳnh	2929	8	435/25; 518,162,155,318,5c/21; 714a,314/15	
30	Nguyễn Thị Thanh	2391	8	546,547,50/25; 798,127/21; 249,558/15; 601(6)/26	
31	Nguyễn Văn Giáp	1933	6	136,82(2)/21; 438(1)/15; 164(1)/25; 525,529(2)/30	
32	Đỗ Duy Sỹ	1716	5	279,4/21; 440,470(2)/25; 483A/30	
33	Ngô Vi Chương	2291	8	69,62/14; 100,634,777,780/21; 520(1)/30; 304D/26	
34	Đỗ Thị Chúc	1503	4	50,142(2)/21; 708A/15; 73/14	
35	Đào Duy Trường	2880	9	769,770,593/15; 151,155/25; 205,373/21; 483(21),346(2)/30	
36	Phạm Bình Cường	2726	7	470(1)/25; 785,225,91C/21; 580,243/15; 483A9/30	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
37	Phạm Văn Tám	1881	5	644,47C/21; 773a,647/15; 483(8)/30	
38	Đỗ Thị Lịch	1920	8	310(1),311/25; 417/15; 123,121,122,317,116/21	
39	Đình Văn Hùng	1440	5	766,260/15; 775.662(1)/21; 447/25	
40	Nguyễn Thị Sang	2880	9	393,226,657(2)/21; 536,242,526/15; 254/22; 419(3) /31; 537(1)/25	
41	Trịnh Đình Tấn	3359	12	574C/25; 459/26; 781.782.653.55c,64,190,3/21; 572,234(1),786/15	
42	Nguyễn Văn Hội	3364	12	652,783,54c,65,18/21; 785A,667,312,573,423/15; 529(1)/30; 339/15	
43	Đào Duy Ngọc	470	2	206/21; 638(1)/15	
44	Nguyễn Hữu Tài	3312	11	428,162A,443,162,469/25; 156,185,161,160/21; 509,559(5)/15	
45	Đỗ Duy Nam	1920	7	145C/25; 64,68/14; 343(1),442,462/15; 187(1)/26	
46	Nguyễn Văn Minh	2400	10	289,265,82(1)/21; 728,344,341/15; 148,422(2)/25; 174,175/30	
47	Nguyễn Văn Ban	800	1	48(1)/25	
48	Phạm Văn Thực	1914	8	299/25; 624/15; 71,26,147a/21; 345,334,351/30	
49	Nguyễn Văn Chuyển	2350	6	400,52/21; 767,736(1),485/15; 142(1)/25	
50	Phạm Văn Hải	1920	8	462/25; 409,520,142(2)/21; 620,682,684,683/15	
51	Phạm Văn Mừng	1938	6	499,125,293/21; 573(2),298/25	
52	Nguyễn Văn Hoan	1920		69/21; 611,665,690,615; 566,568,570(1)/25	
53	Nguyễn Nhật Huy	2400	6	666,766(1),404,504/21; 277,590/15	
54	Ngô Vi Cường	2415	8	57,84/21; 534,271,331,633,645/15; 40(2)/25	
55	Đào Duy Tĩnh	1236	3	569,632/15; 104/21	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
56	Phan Văn Minh	1856	4	567/25; 228,184,95(1)/21	
57	Nguyễn Thị Kim	3024	13	407,507B,376,220/21; 280C,281C,125,474(2)/25; 231D,292d/26; 452B,666(1),457/15	
58	Nguyễn Văn Thành	1935	9	465,464/25; 229,640(2),312(2)/21; 532,665,608/15; 419(4)/31	
59	Đào Duy Dũng	2844	6	515,193(1),134(2),183/21; 394/15; 81(2)/22	
60	Lê Thị Hồng	2171	5	452,163/25; 189/21; 689(2),332(2)/15	
61	Nguyễn Văn Thông	2409	7	110(2)/25; 246,277,111,99/21; 619/15; 296/30	
62	Đào Văn Hoan	1874	6	460,565/25; 794,74/21; 718A/15; 483A5/30	
63	Nguyễn Văn Thìn	1920	9	240,238,510,29A,662(2),46(2)/21; 783/15; 559C/25; 458D/26	
64	Đào Tuấn Hưng	954	5	197/21; 250/22; 550/15; 348,242(2)/30	
65	Phạm Văn Hùng	1440	4	879,113,81(1)/21; 418(3)/31	
66	Trịnh Đình Cường	1620	6	142(1),76A,105,70/21; 686/15; 45/7	
67	Đỗ Trọng Hờ	3930	12	550,553,561/25; 638,38,29,14C/21; 649,688,720A,661/15; 483A(13)/30	
68	Nguyễn Văn Tiến	2400	6	883,787(2),76/21; 603,484/15; 419(5)/31	
69	Nguyễn Kim Thư	3360	11	453,774,753,525,725/15; 655,260,92C/21; 163(1),83C/22; 483A6/30	
70	Nguyễn Thế Châu	2887	9	514,194,235A,235B,199C,193(2)/21; 572/25; 252C/22; 418(2)/31	
71	Nguyễn Văn Thắng	2400	8	262,56,63,273A/21; 787A,502,739,482/15	
72	Nguyễn Văn Minh	1793	7	558(2),443(1),473/25; 505,318/15; 261/21; 419(6)/31	
73	Đỗ Duy Long	2068	8	481,288(2),482(1),461,286/25; 586,591/15; 483(14)/30	
74	Đào Xuân Ngọc	1799	3	271,319(1)/21; 250/15	

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Diện tích cấp GCN	Tổng số thửa	Liệt kê số hiệu thửa và số tờ bản đồ	Ghi chú
75	Đỗ Duy Hứa	3096	12	434,144,263/25; 364D/26; 248/21; 673,80,704(1),266,760(2)/15; 72,87/14	
76	Đỗ Duy Thanh	1793	5	114(2)/25; 128,129/21; 689(1),267/15	
77	Phạm Văn Thức	1844	7	306C/25; 304D/26; 257,206,323/21; 334/22; 461/15	
78	Nguyễn Hữu Hạnh	2111	9	642,180,15C,28,641,406/21; 721,456,332(1)/15	
Tổng		158741			

Ngày 7 tháng 5 năm 2007
 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 TRƯỞNG PHÒNG *Chung*



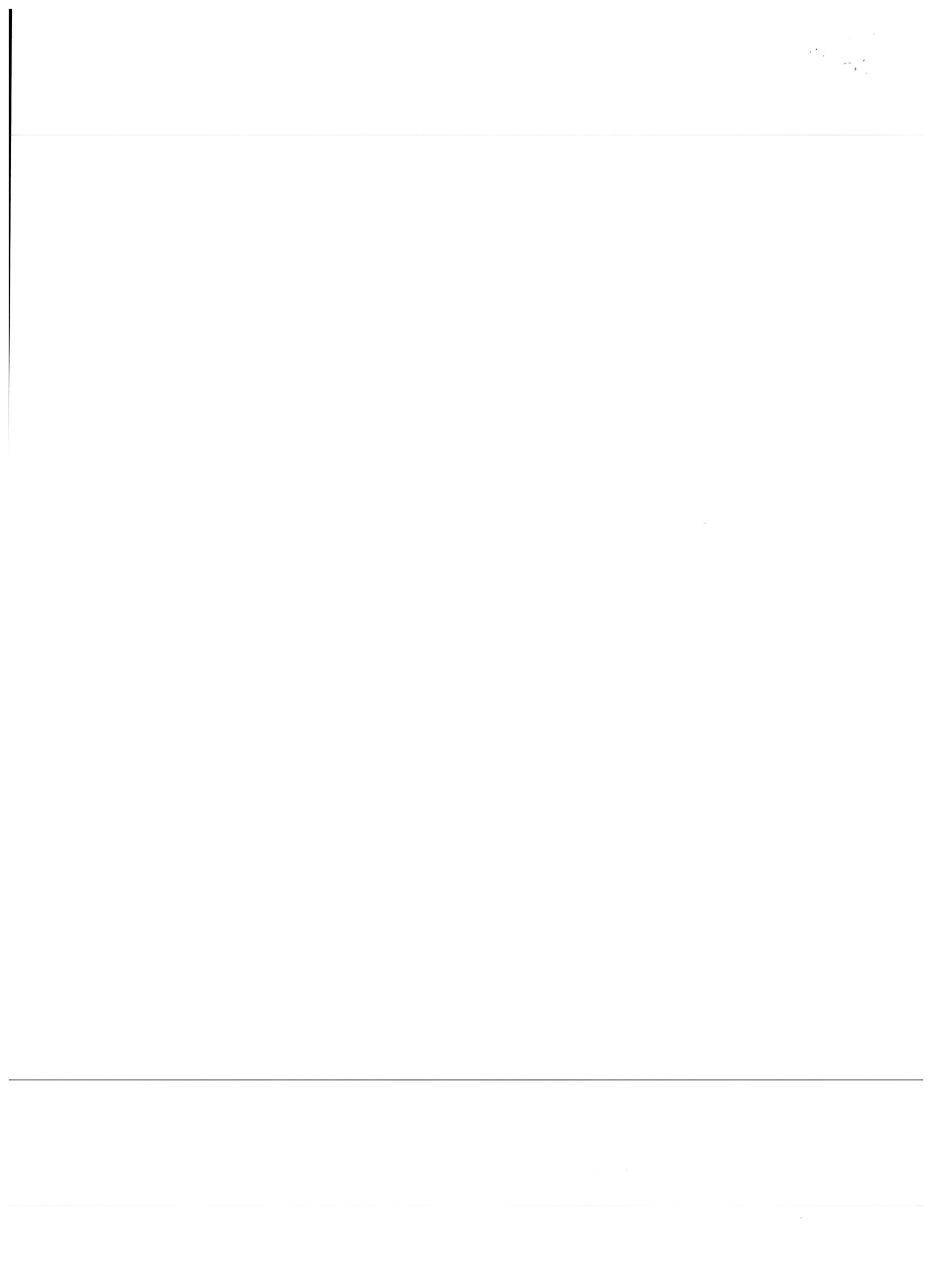
Trần Văn Chung

Ngày 6 tháng 5 năm 2007
 TM. UBND HUYỆN THANH TRÌ
 KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nhân





Số: ⁽²⁾290/TLKT-BS

Tả Thanh Oai, ngày 26 tháng 04 năm 2017

TRÍCH LỤC KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên: PHẠM VĂN CHIÊN

Ngày, tháng, năm sinh: 24/3/1986 ghi bằng chữ: Ngày hai mươi bốn tháng ba năm một nghìn chín trăm tám mươi sáu.

Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Trạm y tế xã Tả Thanh Oai

Quê quán: Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ: NGÔ THỊ NHUNG

Năm sinh: 1/1/1956 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội

Họ, chữ đệm, tên người cha: PHẠM VĂN TUYẾN

Năm sinh: 1/1/ 1960 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cư trú: Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội

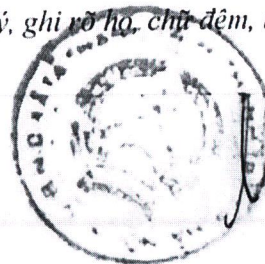
Đăng ký khai sinh tại⁽³⁾ : Ủy ban nhân dân xã Tả Thanh Oai.

Số ngày/...../.....

Ghi chú:⁽⁴⁾: Ông Phạm Văn Tuyến là bố đẻ khai sinh

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Đình Hùng

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục.

Nếu là Ủy ban nhân dân cấp xã thì ghi đủ 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh); nếu là Ủy ban nhân dân cấp huyện thì ghi đủ 02 cấp hành chính (huyện, tỉnh); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi rõ tên cơ quan đại diện và tên nước có trụ sở Cơ quan đại diện.

Ví dụ: Tỉnh Thanh Hoá
Thành phố Thanh Hoá
UBND phường Lam Sơn

Hoặc: Đại sứ quán Việt Nam
tại Hoa Kỳ

(2) Ghi theo số trong Sổ theo dõi việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội
Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội.

(4) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao Trích lục: “Thực hiện việc trích lục từ Sổ đăng ký khai sinh” hoặc “Thực hiện việc trích lục từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy trình tin học”.

